

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 11 - 2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Danh Chung**

2. Ông **Danh Sang**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Ông **Trang Minh Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Minh N**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp VT B, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Lê Sỹ Liêm**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT A, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Lê Thị Minh N trình bày:**

Vào năm 2013, chị và anh Lê Sỹ L tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã VHH, huyện CT, tỉnh

KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau và có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 19/9/2014. Nhưng đến khoảng đầu năm 2019 thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau, anh chị đã ly thân không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị N có ý kiến:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Lê Sỹ L.
- Về việc nuôi con chung: Chị thống nhất giao người con chung tên Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 19/9/2014 cho anh Lê Sỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các ý kiến của anh Lê Sỹ L: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn anh Lê Sỹ L nhiều lần theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Minh N là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Minh N thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Lê Thị Minh N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Sỹ L và xin nuôi dưỡng người con chung. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Lê Sỹ L đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Lê Sỹ L vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Sỹ L theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Sỹ L.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cho rằng vào năm 2013, chị và anh Lê Sỹ L tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã VHH, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, đến đầu năm 2019 thì ly thân từ đó cho đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ đầu năm 2019 cho đến nay chị và anh L đã sống ly thân cho đến nay, không có liên hệ với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa anh L cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Do đó việc xin ly hôn của chị N đối với anh L là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Minh N đối với anh Lê Sỹ L.

[5] - Về quan hệ con chung: Chị N xác định chị và anh L có 01 người con chung tên Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 19/9/2014. Hiện cháu Mỹ A đang sống cùng anh L. Chị thống nhất giao cháu Mỹ A cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị N là phù hợp với nguyện vọng và không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] - Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] - Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Lê Thị Minh N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005040 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Minh N đối với bị đơn anh Lê Sỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Minh N được ly hôn với bị đơn anh Lê Sỹ L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 19/9/2014 cho anh Lê Sỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Minh N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005040 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu